

BẢNG CHẤM ĐIỂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Ban hành Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND
ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện)

STT	LĨNH VỰC/TIÊU CHÍ/ TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM THẨM ĐỊNH
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH	20		
1	Ban hành Kế hoạch hoặc Chương trình công tác CCHC năm của cơ quan, đơn vị theo quy định	3		
	- Ban hành đúng thời gian quy định	1		
	- Ban hành đầy đủ nội dung nhiệm vụ CCHC theo quy định	2		
2	Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC	3		
3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến CCHC	4		
	- Tổ chức hội nghị quán triệt các nội dung về kế hoạch CCHC	1		
	- Đăng tải thông tin CCHC trên website của địa phương	1		
	- Có chuyên mục CCHC trên Đài Truyền thanh của địa phương	1		
	- Có hình thức tuyên truyền khác về CCHC như Tổ chức hoặc tham gia cuộc thi tìm hiểu về CCHC, tọa đàm về CCHC, sân khấu hóa, ...	1		
4	Chế độ thông tin, báo cáo về CCHC	2		
	- Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo chuyên đề về công tác CCHC đúng thời gian, đảm bảo nội dung	2		
	- Thực hiện đầy đủ các báo cáo nhưng có báo cáo không đảm bảo nội dung hoặc không đảm bảo thời gian quy định	1		
	- Không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo hoặc có báo cáo không đảm bảo nội dung và thời gian quy định	0		
5	Công tác kiểm tra về CCHC	4		
5.1	Kết quả thực hiện kiểm tra/tự kiểm tra CCHC	2		
	- Có tiến hành kiểm tra	2		

	- Không thực hiện kiểm tra	0		
5.2	Xử lý các nội dung phát hiện sau kiểm tra	2		
6	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4		
6.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với CBCC	2		
	- Có ban hành quy chế khen thưởng hoặc có quy định về khen thưởng thành tích CCHC trong quy chế khen thưởng	1		
	- Có tổ chức khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt công tác CCHC tại đơn vị	1		
6.2	Giải pháp mới, sáng kiến trong triển khai công tác CCHC	1		
	- Có giải pháp, cải tiến đã được tiến hành trong thực tế và mang lại hiệu quả	1		
	- Không có giải pháp	0		
6.3	Tổ chức đánh giá, sơ kết, tổng kết và tiến hành khen thưởng, biểu dương về thực hiện công tác CCHC của đơn vị hàng năm	1		
	- Có thực hiện	1		
	- Không thực hiện	0		
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC	77		
1	CẢI CÁCH THỂ CHẾ	6		
1.1	Xây dựng và ban hành các văn bản QPPL của địa phương	1		
	- Thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định	1		
	- Không thực hiện đúng	0		
1.2	Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL của địa phương hàng năm	2		
	- Có ban hành kế hoạch triển khai thực hiện và báo cáo đầy đủ, đúng thời gian	1		
	- Có xử lý các vấn đề bất cập hoặc không còn phù hợp	0.5		
	- Có Công bố danh mục VBQPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực	0.5		
1.3	Xử lý văn bản sau rà soát, kết luận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền	1		

	Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó: a là tổng số văn bản cần được xử lý. b là số văn bản đã xử lý Trường hợp $a=0$ thì đạt điểm tối đa			
1.4	Theo dõi tình hình thi hành pháp luật	2		
	- Có tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện	1		
	- Có tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện	1		
2	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	27		
2.1	Công tác rà soát thủ tục hành chính	4		
2.1.1	Thực hiện báo cáo hoạt động kiểm soát TTHC định kỳ (thiếu mỗi báo cáo trừ 0,25 điểm)	1		
2.1.2	Kết quả đơn giản hóa TTHC trong năm	1		
	- Có đề xuất rút ngắn về mặt thời gian so với quy định cấp trên	0.5		
	- Có đề xuất, kiến nghị đơn giản về thành phần hồ sơ hoặc cải tiến về quy trình tiếp nhận và giải quyết TTHC	0.5		
2.1.3	Thực hiện cập nhật và công khai bổ sung bộ TTHC đúng quy định	1		
	- Thực hiện cập nhật đầy đủ TTHC thuộc thẩm quyền đã được công bố	1		
	- Không thực hiện đầy đủ	0		
2.2	Thực hiện cơ chế một cửa/cơ chế một cửa liên thông	15		
2.2.1	Tỷ lệ TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông so với tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	1		
	- 100% thuộc thẩm quyền: 1.			
	- Dưới 100% thuộc thẩm quyền: 0.			
2.2.2	Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã	1		
	- Ban hành đúng theo quy định: 1.			
	- Chưa ban hành: 0.			
2.2.3	Tổ chức Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	- Có bố trí công chức tiếp nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định: 1.			
	- Bố trí chưa đảm bảo: 0.			

2.2.4	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với công chức bộ phận tiếp nhận theo quy định	1		
	- <i>Thực hiện đầy đủ theo quy định: 1.</i>			
	- <i>Chưa thực hiện đầy đủ: 0.</i>			
2.2.5	Bố trí địa điểm tiếp nhận hồ sơ	1		
	- <i>Bảo đảm đủ diện tích theo quy định: 1.</i>			
	- <i>Chưa bảo đảm diện tích theo quy định: 0.</i>			
2.2.6	Trang bị cơ sở vật chất tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả	1		
	- <i>Bảo đảm các điều kiện để phục vụ tốt cho tổ chức, công dân (ghế ngồi, bút, nước uống, ...)</i>	1		
	- <i>Chưa thực hiện đầy đủ</i>	0		
2.2.7	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác tiếp nhận và theo dõi, quản lý hồ sơ hiệu quả, kịp thời	1		
	- <i>Có khả năng thống kê và trích xuất kết quả tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo quy định</i>	0.5		
	- <i>Có khả năng trích xuất danh sách công dân, tổ chức thực hiện giao dịch với đầy đủ thông tin theo quy định</i>	0.5		
2.2.8	Tổ chức các loại sổ (hoặc phần mềm) theo dõi, quản lý hồ sơ tiếp nhận và giải quyết theo quy định (Sổ theo dõi việc tiếp nhận và trả hồ sơ, Phiếu Biên nhận hồ sơ và Phiếu hướng dẫn)	1		
	- <i>Có đầy đủ</i>	1		
	- <i>Không đầy đủ (thiếu 1 trong 3 loại phiếu, sổ sách tối thiểu)</i>	0		
2.2.9	Cập nhật thông tin các loại sổ (hoặc phần mềm) theo dõi, quản lý hồ sơ tiếp nhận và giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	1		
	- <i>Đầy đủ, kịp thời và chính xác</i>	1		
	- <i>Không được đầy đủ, kịp thời và chính xác</i>	0		
2.2.10	Tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và sớm hạn	2		
	<i>Tính điểm theo công thức: $b/a*2$. Trong đó:</i> - <i>a là tổng số hồ sơ đã giải quyết trong năm;</i> - <i>b là số hồ sơ đã giải quyết đúng và sớm hạn.</i> <i>Trường hợp tỷ lệ $b/a < 0,95$ thì điểm đánh giá là 0.</i>			
2.2.11	Thực hiện việc xin lỗi tổ chức, công dân trong trường hợp trả kết quả không đúng hạn	1		
	- <i>Có</i>	1		
	- <i>Không</i>	0		

2.3	Thực hiện công khai các thủ tục hành chính và địa chỉ phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức	1		
	- Có	1		
	- Không	0		
3	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY	8		
3.1	Đánh giá về việc thực hiện Quy chế làm việc của UBND cấp xã theo quy định hiện hành	2		
	- Thường xuyên rà soát, sửa đổi xây dựng quy chế làm việc phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị: 2.			
	- Chưa kịp thời điều chỉnh, sửa đổi quy chế làm việc cho phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị: 0.			
3.2	Thông báo phân công nhiệm vụ, bố trí cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách phù hợp với quy định và thực tế	2		
	- Bố trí, phân công phù hợp với quy định và phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt: 2.			
	- Bố trí, phân công chưa phù hợp với quy định và chưa theo phương án được cấp thẩm quyền phê duyệt: 0.			
3.3	Xây dựng đầy đủ kế hoạch công tác, lịch công tác hàng tuần	2		
	Cách tính điểm: $a/52*2$. Trong đó: a là số tuần có xây dựng kế hoạch			
3.4	Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý theo quy định	2		
	- Thực hiện đúng quy định: 2.			
	- Không thực hiện đúng quy định: 0.			
4	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC	12		
4.1.	Tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn theo quy định	1		
	- 100% cán bộ cấp xã (Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND; Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND) có trình độ đại học trở lên: 0,5.			
	- 100% công chức cấp xã có trình độ đại học trở lên phù hợp với tiêu chuẩn chức danh, vị trí công tác: 0,5.			
4.2	Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức của đơn vị đúng, đầy đủ, kịp thời	1		
	- Thiện hiện đầy đủ: 1.			

	- Chưa đầy đủ kịp thời: 0.			
4.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	4		
4.3.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm	2		
	- Trên 80% : 2.			
	- Từ 60% đến 80% : 1.			
	- Dưới 60%: 0.			
4.3.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức tham gia các Lớp đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch của tỉnh, của huyện	2		
	- 100% tham gia đầy đủ: 2.			
	- Không tham gia đầy đủ: 0.			
4.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức	1		
	- Trong năm không có CBCC bị nhắc nhở, phê bình; kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: 1.			
	- Trong năm có CBCC bị phê bình, nhắc nhở: 0,5.			
	- Trong năm có CBCC bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên: 0.			
4.5	Ban hành quy định/quy chế thi đua - khen thưởng của cơ quan, đơn vị, phát động thi đua - khen thưởng theo quy định hiện hành	1		
	- Ban hành và phát động đăng ký thi đua	1		
	- Không ban hành hoặc đăng ký thi đua	0		
4.6	Kết quả thực hiện việc đánh giá cán bộ, công chức hàng năm	2		
4.6.1	Hoàn thành và báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCC đúng thời gian quy định: 1	1		
4.6.2	Tỷ lệ CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	1		
	Điểm đánh giá được tính theo công thức: (Tỷ lệ CBCC hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên * 2)/100%			
4.7	Thực hiện văn hóa công sở, nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức nhà nước	3		
4.7.1	Có ban hành Quy chế/Quy định về thực hiện văn hóa công sở	1		
	- Có ban hành đúng theo quy định: 1.	1		
	- Không/Chưa ban hành theo quy định: 0.	0		
4.7.2	Triển khai thực hiện văn hóa công sở tại cơ quan, đơn vị	2		

	- Thực hiện việc đeo thẻ cán bộ, công chức đúng quy định	0.5		
	- Có các bảng tên phòng làm việc, bảng tên chức danh đúng quy định	0.5		
	- Có nội quy cơ quan và sơ đồ bố trí phòng làm việc của cơ quan đúng với thực tế	0.5		
	- Bài trí công sở sạch, đẹp, ngăn nắp, đúng quy định	0.5		
5	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7		
5.1	Ban hành và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ	2		
5.1.1	Ban hành quy chế chi tiêu nội bộ	1		
	- Ban hành đúng quy định: 0,5			
	- Ban hành không đúng quy định: 0			
5.1.2	Thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ	1		
	- Thực hiện đúng quy định: 0,5			
	- Thực hiện không đúng quy định: 0			
5.2	Thực hiện quy định về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1		
	- Thực hiện đúng quy định: 1			
	- Có sai phạm được phát hiện: 0			
5.3	Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	1		
	Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1$. Trong đó: a là tổng số tiền phải nộp NSNN b là số tiền đã nộp NSNN Nếu a = 0 thì tính 1 điểm			
5.4	Xây dựng dự toán, chấp hành, quyết toán ngân sách	1		
	- Xây dựng và gửi báo cáo đúng thời hạn: 1			
	- Không xây dựng hoặc gửi báo cáo sau thời hạn: 0			
5.5	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước theo quy định	1		
	- Thực hiện đảm bảo theo kế hoạch được giao: 1			
	- Thực hiện không đảm bảo theo kế hoạch được giao: 0			
5.6	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương	1		

	<i>Đúng quy định: 1</i>			
	<i>Không đúng quy định: 0</i>			
6	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ	17		
6.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức của cơ quan được trang bị máy tính để làm việc	1		
	<i>Điểm được tính theo công thức: $b/a*1$. Trong đó: a là tổng số CBCCVV tại địa phương; b là tổng số CBCCVV tại địa phương được trang bị máy tính tại cơ quan, đơn vị</i>			
6.2	Ứng dụng Hệ thống văn phòng điện tử	3		
6.2.1	Tỷ lệ văn bản trao đổi và xử lý dưới dạng điện tử giữa các cơ quan nhà nước có liên thông văn bản điện tử (<i>trừ văn bản mật</i>)	1		
	- Đạt 100%: 1			
	- Từ 95% đến dưới 100%: 0,5			
	- Dưới 95%: 0			
6.2.2	Lập hồ sơ công việc dưới dạng điện tử	2		
	- Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập đạt từ 60% trở lên: 2			
	- Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập đạt từ 50% đến dưới 60%: 1			
	- Dưới 50%: 0			
6.3	Trang bị hệ thống mạng LAN tại cơ quan, đơn vị	1		
	- Có	1		
	- Không có	0		
6.4	Xây dựng và duy trì Trang thông tin điện tử của đơn vị	1		
	- Có xây dựng và duy trì hoạt động	1		
	- Có trang bị nhưng không hoạt động	0		
6.5	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	8		
6.5.1	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến	1.5		
	<i>Điểm được tính theo công thức: $b/a*1,5$. Trong đó: - a là số DVCTT có phát sinh hồ sơ (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến); - b là số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến.</i>			
6.5.2	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến	1.5		

	<p>Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1,5$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của các DVCTT (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến); - b là số hồ sơ giải quyết trực tuyến của các DVCTT (không sử dụng bản giấy) <p>Nếu tỷ lệ hồ sơ trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ trực tuyến do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
6.5.3	Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến	1.5		
	<p>Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1,5$.</p> <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán (bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến); - b là số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến 			
6.5.4	Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến	1.5		
	<p>Điểm được tính theo công thức: $(b/a)*1,5$. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - a là tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá; - b là số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến <p>Nếu tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến thấp hơn chỉ tiêu hồ sơ thanh toán trực tuyến do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
6.5.5	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã	2		
	- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết:	1		
	<p>Tính điểm theo công thức: $(\text{Tỷ lệ \%} * 1) / 100\%$</p> <p>Nếu tỷ lệ số hóa thấp hơn chỉ tiêu do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</p>			
	- Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử:	1		

	<i>Tính điểm theo công thức: (Tỷ lệ %*1)/100%</i> <i>Nếu tỷ lệ cấp kết quả điện tử thấp hơn chỉ tiêu do UBND huyện giao hằng năm thì điểm đánh giá là 0.</i>			
6.6	Tỷ lệ hồ sơ chứng thực điện tử	1		
	<i>Điểm được tính theo công thức: (b/a)*1.</i> <i>Trong đó:</i> <i>a là tổng số hồ sơ chứng thực</i> <i>b là số hồ sơ chứng thực điện tử</i>			
6.7	Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến	1		
	Có giải pháp nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.7	Áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo quy định, đảm bảo hiệu quả, thiết thực	1		
	- Duy trì, áp dụng hiệu quả	1		
	- Không duy trì, không hiệu quả	0		
III	TỶ LỆ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VỀ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ CỦA BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ THUỘC UBND CẤP XÃ	3		
	- Trên 90%	3		
	- Từ 80% đến 90%	2		
	- Từ 70% đến 80%	1		
	- Từ 50% đến dưới 70%	0.5		
	- Dưới 50%	0		
	ĐIỂM TỔNG CỘNG	100		